|  |  |
| --- | --- |
| ­­­ **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM**  Số: /2025/TT-NHNN  **DỰ THẢO 3** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định về hoạt động của công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 14/2022/QH15;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hoạt động của công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

# Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hoạt động của công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.

# Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản (sau đây gọi là công ty quản lý nợ).

2. Ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành có công ty quản lý nợ quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi là tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ).

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của công ty quản lý nợ.

# Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

Công ty quản lý nợ, tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ khi thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Công ty quản lý nợ chỉ được thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 4 Thông tư này. Tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ, công ty quản lý nợ chịu trách nhiệm về các hoạt động của công ty quản lý nợ đảm bảo phù hợp với phạm vi hoạt động quy định tại Thông tư này.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật khi thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động mua, bán nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công ty quản lý nợ, tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Công ty quản lý nợ là công ty con của tổ chức tín dụng chỉ được mua nợ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này khi tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đó đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động mua nợ theo quy định của pháp luật và có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo kỳ phân loại gần nhất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước thời điểm ký hợp đồng mua nợ trừ trường hợp mua nợ theo phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt (sau đây gọi là phương án cơ cấu lại) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Hợp đồng mua, bán nợ không trái với nội dung quy định tại hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm đã ký kết giữa bên bán nợ, khách hàng và bên bảo đảm.

**Chương II**

**HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ, TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

# Điều 4. Hoạt động của công ty quản lý nợ

Công ty quản lý nợ được thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Quản lý nợ, xử lý nợ theo ủy quyền của Bên ủy quyền theo quy định tại Điều 6 Thông tư này gồm:

a) Tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đó;

b) Công ty con của tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ trong trường hợp công ty quản lý nợ là công ty con của tổ chức tín dụng đó.

2. Quản lý, khai thác tài sản bảo đảm của khoản nợ theo ủy quyền của Bên ủy quyền theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

3. Khai thác tài sản theo ủy quyền của Bên ủy quyền thông qua việc cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của tổ chức tín dụng chưa sử dụng hết phù hợp với quy định tại Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Mua, bán nợ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

5. Mua tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

6. Các hoạt động xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khác theo phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 5. Khoản nợ được xử lý trong hoạt động của công ty quản lý nợ**

1. Công ty quản lý nợ thực hiện quản lý nợ, khai thác tài sản theo ủy quyền của Bên ủy quyền đối với các khoản nợ là khoản nợ quá hạn, nợ xấu bao gồm nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán, nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng, khoản nợ mà Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ủy quyền cho Bên ủy quyền theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Công ty quản lý nợ thực hiện mua, bán các khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh, khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính là khoản nợ quá hạn, nợ xấu bao gồm nợ xấu đang hạch toán trong bảng cân đối kế toán, nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 6. Hoạt động quản lý nợ, xử lý nợ, khai thác tài sản theo ủy quyền của Bên ủy quyền**

1. Hoạt động quản lý nợ, khai thác tài sản của công ty quản lý nợ theo ủy quyền của Bên ủy quyền đối với các khoản nợ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này bao gồm:

a) Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ; tiếp nhận, thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ để xử lý, thu hồi nợ;

b) Quản lý, xử lý nợ đã tiếp nhận thông qua các hình thức: theo dõi, đôn đốc, trực tiếp thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm để thu nợ; bán nợ cho tổ chức, cá nhân khác và các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Quản lý, xử lý tài sản bảo đảm đã tiếp nhận thông qua hình thức: kiểm tra, trông giữ; bán tài sản bảo đảm, và các phương thức khác theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm phù hợp quy định pháp luật; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, cho thuê mua, khai thác kinh doanh theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các hoạt động khác liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý, xử lý khoản nợ, khai thác và xử lý tài sản bảo đảm theo ủy quyền của Bên ủy quyền theo quy định của pháp luật.

2. Việc ủy quyền của Bên ủy quyền để thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành hợp đồng ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm (nếu có) giữa tổ chức tín dụng đó với khách hàng và các bên liên quan khác.

**Điều 7. Hoạt động mua, bán nợ**

1. Hoạt động mua, bán nợ của công ty quản lý nợ đối với các khoản nợ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này gồm:

a) Mua nợ của chính tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đó theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Mua nợ của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ khoản nợ mà tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đã bán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó;

c) Mua nợ của công ty quản lý nợ khác;

d) Bán nợ cho tổ chức khác, cá nhân, trừ trường hợp bán nợ cho công ty con khác của cùng tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ.

2. Việc mua, bán nợ của công ty quản lý nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành hợp đồng mua, bán nợ phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm (nếu có).

3. Công ty quản lý nợ là công ty con của công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành không được mua khoản phải thu từ hợp đồng cho thuê tài chính của công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành có công ty quản lý nợ đó.

**Điều 8. Hoạt động mua tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu**

1. Công ty quản lý nợ là công ty con của tổ chức tín dụng không được kinh doanh bất động sản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Công ty quản lý nợ là công ty con của tổ chức tín dụng chỉ được mua tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của Bên ủy quyền trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu để thu hồi nợ.

3. Khi mua tài sản bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều này, công ty quản lý nợ phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Tổng giá mua của các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu không được vượt quá vốn điều lệ của công ty quản lý nợ đó;

b) Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày mua tài sản bảo đảm là bất động sản, công ty quản lý nợ phải bán, chuyển nhượng tài sản bảo đảm này. Trường hợp nắm giữ quá 05 năm, công ty quản lý nợ không được mua thêm bất kỳ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của Bên ủy quyền.

# Điều 9. Quy định nội bộ

1. Trên cơ sở quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan, công ty quản lý nợ phải xây dựng quy định nội bộ về hoạt động quản lý nợ, khai thác tài sản và mua, bán nợ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ, công ty quản lý nợ gửi 01 bản quy định nội bộ về hoạt động quản lý nợ, khai thác tài sản và mua, bán nợ cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi công ty quản lý nợ đặt trụ sở chính.

2. Quy định nội bộ của công ty quản lý nợ về hoạt động quản lý nợ, khai thác tài sản và mua, bán nợ phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Quy trình tiếp nhận, quản lý, xử lý nợ đã tiếp nhận;

b) Quy trình tiếp nhận, quản lý, xử lý tài sản bảo đảm đã tiếp nhận;

c) Quy trình mua, bán nợ đối với từng đối tượng mà công ty quản lý nợ thực hiện mua, bán nợ quy định tại Điều 7 Thông tư này;

d) Quy trình quản trị rủi ro đối với hoạt động quản lý nợ; khai thác tài sản; mua, bán nợ;

đ) Trách nhiệm và nghĩa vụ của từng bộ phận, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện hoạt động, nghiệp vụ của công ty quản lý nợ.

# Điều 10. Quyền, nghĩa vụ của công ty quản lý nợ

1. Thực hiện các hoạt động theo quy định tại Thông tư này.

2. Cung cấp các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản cho tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ đó khi có yêu cầu.

3. Xây dựng và ban hành quy định nội bộ phù hợp với quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

4. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

# Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên ủy quyền

1. Quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty quản lý nợ, đảm bảo công ty quản lý nợ hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng, minh bạch các hợp đồng, giao dịch khác với công ty quản lý nợ phù hợp với quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

3. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

# Điều 12. Báo cáo

1. Công ty quản lý nợ phải gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), đơn vị trực thuộc công ty quản lý nợ phải gửi báo cáo hoạt động cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực nơi công ty quản lý nợ đặt trụ sở chính khi được yêu cầu.

2. Công ty quản lý nợ phải báo cáo hoạt động mua, bán nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về báo cáo thống kê đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**Chương III**

**TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

# Điều 13. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

1. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm tiếp nhận quy định nội bộ về hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản của công ty quản lý nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này để phục vụ cho công tác giám sát an toàn vi mô.

2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản của công ty quản lý nợ theo thẩm quyền và theo quy định pháp luật.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm trong việc thực hiện hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản của đơn vị trực thuộc của công ty quản lý nợ trên địa bàn theo thẩm quyền và theo quy định pháp luật.

4. Vụ Dự báo thống kê – Ổn định tiền tệ, tài chính có trách nhiệm xây dựng biểu mẫu báo cáo, hướng dẫn báo cáo thống kê về hoạt động của công ty quản lý nợ theo quy định tại Thông tư này.

5. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dung, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm cả tình hình thực hiện hoạt động mua, bán nợ của công ty quản lý nợ của tổ chức tín dụng.

6. Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng có trách nhiệm xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

# Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ Quyết định số 1390/2001/QĐ-NHNN ngày 07/11/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của công ty quản lý nợ trực thuộc ngân hàng thương mại.

3. Các công ty quản lý nợ được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành phải xây dựng lộ trình để đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này, trong đó tối thiểu có các nội dung sau:

a) Các nội dung hoạt động chưa tuân thủ theo quy định;

b) Các biện pháp và kế hoạch xử lý để đảm bảo tuân thủ các quy định tại Thông tư này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành;

c) Sau thời điểm nêu trên, các công ty quản lý nợ không đáp ứng được quy định tại Thông tư này phải chấm dứt hoạt động. Tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ báo cáo Ngân hàng Nhà nước về việc công ty quản lý nợ đã đáp ứng quy định tại Thông tư này hoặc đã chấm dứt hoạt động.

4. Hợp đồng mua, bán nợ và hợp đồng thực hiện các giao dịch khác (nếu có) ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết. Việc sửa đổi, bổ sung các hợp đồng này phải phù hợp với quy định tại Thông tư này.

# Điều 15. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; các tổ chức tín dụng có công ty quản lý nợ; công ty quản lý nợ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 15;  - Ban Lãnh đạo NHNN;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);  - Công báo;  - Lưu: VP, PC, ATHT1 (03 bản). | **THỐNG ĐỐC** |